

Tà Lèng, ngày 4 tháng 10 năm 2014

Số: /BC-PCLB

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ XÃ

Tà Lèng là một xã ven Thành Phố Điện Biên Phủ Tỉnh Điện Biên, cách trung tâm Thành phố 8 km về phía Đông Xã được thành lập năm 2009 được tách ra từ phường Noong Bua

- Phía Bắc giáp Thanh Minh
- Phía Đông giáp Xã Mường Phăng huyện Điện Biên và Xã Pú Nhi, Huyện Điện Biên Đông
- Phía Nam giáp Phường Nam Thanh
- phía Tây giáp Phường Him Lam và Phường Noong Bua

Xã có tổng diện tích tự nhiên 1405,76 ha. Toàn xã có 715,81ha đất đất nông nghiệp

Xã có tổng 4 bản, với 249 hộ, 1050 khẩu; 5 dân tộc anh em sinh sống:

Có trục đường chạy từ Phường Noong Bua chạy qua xã đi Mường phăng (HĐB) đi xã Pú Nhi (HĐBĐ) có nhiều trục đường liên bản ,người và xe thô sơ đi lại rẽ ràng việc triển khai đội hình ứng cứu khi có tình huống xảy ra được nhanh chóng đảm bảo an toàn.

Cầu công có 02 cầu xi măng cốt thép bố trí theo trục đường vành đai và 01 cầu ở bản Tà Lèng , 02 cầu ở bản Kê Nênh, 01 cầu ở bản Nà Nghè .

Sông suối phía đông có con suối Nặm Phạ chảy từ bản Nà Nghè xuống bản Kê Nênh, bản Tà Lèng chảy ra hồ Huổi Phạ phường Him Lam. Ngoài ra còn một số con suối nhỏ bắt nguồn từ những khe núi chảy ra như suối Thảm Mây, Thảm Van chảy qua bản Tà Lèng, bản Kê Nênh.

Đồi núi có nhiều điểm cao nhiều vách đứng có nguy cơ sạt lở cao

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

A. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Đặc điểm địa lý:

Địa hình xã Tà Lèng là dạng địa hình đồi núi hiểm trở bị chia cắt được phân ra thành 2 loại:

- Địa hình thung lũng: là loại địa hình tương đối bằng phẳng, có những cánh đồng rộng xen lẫn các đồi núi thấp nằm chủ yếu ở phía Bắc và một phần ở phía Nam của xã, độ dốc trung bình là 10%, riêng các chân đồi có độ dốc trung bình từ 10 - 20%.
- Địa hình đồi núi cao: là loại địa hình có độ cao từ 500 - 1000 m so với mực nước biển.

Tà Lèng chịu ảnh hưởng chung của khí hậu miền núi phía Bắc Việt Nam. Được hình thành từ một nền nhiệt độ cao của đới chí tuyến và có sự thay thế của các hoàn lưu lớn theo mùa, kết hợp với điều kiện địa hình nên phân thành 2 mùa: Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 9, mùa khô từ tháng 10 năm trước đến tháng 04 năm sau. Mùa mưa thường nóng ẩm và mưa nhiều, mùa khô thường có gió lạnh, nhiệt độ không khí xuống thấp, trời khô hanh và có xuất hiện sương muối.

a) *Chế độ nhiệt*: Nhiệt độ trung bình năm là 21,6⁰C; nhiệt độ cao nhất lên tới 38,6⁰C; nhiệt độ thấp nhất là - 1,3⁰C. Biên độ nhiệt biến động hàng năm từ 9 - 10⁰C, nhiệt độ tháng cao nhất là 32,2⁰C (tháng 5), tháng thấp nhất là 11⁰C (tháng 01).

b) *Chế độ mưa*: Lượng mưa trung bình năm từ 678 mm, cao nhất đạt 1.258 mm, thấp nhất ở mức 500 mm. Lượng mưa trong các tháng mùa mưa đạt 1.017 mm tập trung chủ yếu tháng 6, 7, 8, lượng mưa lớn nhất 329 mm (tháng 6); lượng mưa trong các tháng mùa khô 154 mm, lượng mưa tháng nhỏ nhất 13 mm (tháng 01).

Tổng số giờ nắng trung bình 158 - 177 giờ/năm. Số giờ nắng trong các tháng có sự chênh lệch rõ rệt, số giờ nắng tháng nhiều nhất 206 giờ (tháng 03), tháng ít nhất là 124 giờ (tháng 7).

c) *Chế độ gió*: Xã chịu ảnh hưởng bởi hai hướng gió chính là:

Gió Bắc và Đông Bắc thổi vào mùa khô từ tháng 10 đến tháng 04 năm sau, gió thường khô hanh, khi gặp gió Tây Nam thường xảy ra mưa phùn, sương muối, sương mù và đặc biệt có năm gây ra hiện tượng băng giá ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Gió mùa Đông Nam thổi vào mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 9 mang nhiều hơi ẩm và thường gây ra những trận mưa rào. Ngoài ra, hàng năm vào các tháng 03, 04, 05 còn chịu ảnh hưởng của gió Tây Nam (gió Lào) khô nóng gây ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông - lâm nghiệp cho toàn xã.

d) Độ ẩm không khí: Độ ẩm không khí trung bình năm là 86%, tháng cao nhất là tháng 7 và tháng 8 với 89% và tháng thấp nhất là tháng 3 với 78%. Độ ẩm tuyệt đối là 12%.

Trong khu vực tái định cư có suối Nậm Phạ, suối Thảm Mây, và một vài các con suối, khe suối nhỏ lẻ chảy qua có lưu lượng lớn vào mùa mưa.

2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng

2.1 Về dân cư

- Tổng số 249 hộ với 1050 khẩu. Trong đó nam 513 , nữ 537
- Số hộ nghèo : 25 hộ với 87 khẩu trong đó nam 48; nữ 39
- Số hộ cận nghèo 12 hộ
- Số người trong độ tuổi lao động: 846 người, có 421 nam và nữ là 425 người.
- Đối tượng dễ bị tổn thương.
 - o Trẻ em: 293 em. Trong đó nam 146; nữ 147
 - o Người già trên 60 tuổi: 62 người với 35 nam và 27 nữ.
 - o Phụ nữ có thai và đang cho con bú dưới 12 tháng: 30
 - o Người khuyết tật: 15; nam 6, nữ 9
 - o Người bị bệnh hiểm nghèo 5 (nam 3, nữ 2)
- Số hộ nghèo : 25 hộ với 87 khẩu trong đó nam 48; nữ 39

Toàn xã có 5 dân tộc anh em gồm :

- Dân tộc Khơ Mũ 87 hộ
- Dân tộc Mông 80 hộ
- Dân tộc Thái 60 hộ
- Dân tộc Kinh 21 hộ
- Dân tộc khác: 1 hộ

Xã có 3 bản và một cụm dân cư và phân bố dân cư như sau:

Phân bố dân cư

TT	Bản, cụm	Số hộ	Số khẩu	Số hộ nghèo	Đối tượng dễ bị tổn thương				
					Người cao tuổi	Trẻ em	NKT	Phụ nữ	Người bị bệnh hiểm nghèo
1.	Tà Lèng	105	407	16	24	105	04	211	0
2.	Kê Nênh	60	314	04	14	95	03	161	0
3.	Nà nghè	57	236	04	19	71	08	127	0
4.	Lọng Hòm	27	93	01	05	22	0	38	0
Tổng		249	1050	25	62	293	15	537	0

2.2 Về đất đai:

Tổng diện đất tự nhiên: 1405,76 ha trong đó: trong đó

Đất thổ cư	73.57	
Đất sản xuất nông nghiệp:	715.81	
- Đất trồng cây hàng năm	694.84	
- Đất trồng lúa	305.52	
- Đất chuyên trồng lúa nước	50.97	02 vụ
- Đất trồng lúa nước còn lại	0.25	01 vụ
- Đất trồng lúa nương	254.30	01 vụ
- Đất trồng cây hàng năm khác	389.32	01 vụ
- Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	388.55	01 vụ
- Đất trồng cây lâu năm	20.97	
- Đất trồng cây công nghiệp lâu năm	1.15	
- Đất trồng cây ăn quả lâu năm	0.99	
- Đất trồng cây lâu năm khác	18.83	
Đất lâm nghiệp:		UBND xã quản lý
- Đất rừng sản xuất	62.48	
- Đất khoanh nuôi phục hồi rừng sản xuất	62.48	

- Đất rừng phòng hộ	614.55	
- Đất có rừng tự nhiên phòng hộ	234.16	
- Đất có rừng trồng phòng hộ	211.01	
- Đất khoanh nuôi phục hồi rừng phòng hộ	113.25	
- Đất trồng rừng phòng hộ	56.13	
Đất nuôi trồng thủy sản:	17	

2.3 Ngành nghề chính

95% số hộ dân trong xã hoạt động sản xuất nông lâm nghiệp là chính. Bên cạnh đó còn có một số hoạt động sinh kế khác. Ngoài ra có 8 hộ buôn bán nhỏ và 17 hộ nuôi trồng thủy sản

Tổng thu nhập hàng năm tính theo đầu người: 9 triệu đồng/Người/Năm

2.4. Cơ sở hạ tầng, vật chất

Công sở

- Trụ sở UBND xã hiện có 01 nhà 3 tầng .diện tích xây dựng 145m² gồm 12 phòng làm việc ; 01 phòng họp đủ chỗ cho 50 người mới được xây dựng năm 2010,2011.Thiếu nhiều trang thiết bị
- Trụ sở Ban Nhân dân bản: 03/04 bản đã có nhà VH bản và đều mới được xây dựng trong các năm 2011; 2012; 2013, tất cả đều là nhà cấp 4

a) Trường học:

- **Trường tiểu học:** Hiện xã có một trường tiểu học ở trung tâm xã và một điểm trường ở bản Nà Nghè
 - Trường tiểu học Hoàng Văn Nô(Trung tâm)
 - Diện tích sử dụng : 6.500m²
 - Diện tích xây dựng:580 m² gồm 4 dãy nhà cấp 4 được xây dựng năm 2004 (có 6 phòng chức năng, 2 phòng thư viện, 5 phòng học) ,chất lượng công trình trung bình
 - Diện tích sân chơi, bãi tập:700 m²
 - Số học sinh có trong 7 lớp :74 em
 - Số giáo viên :15 giáo viên
 - Điểm trường Hoàng văn Nô :

- Diện tích sử dụng : 1.000m²
 - Diện tích xây dựng:400 m² gồm 1 dãy nhà cấp 4 được xây dựng năm 2004 (có 3 phòng),chất lượng công trình trung bình
 - Diện tích sân chơi,bãi tập:300 m²
 - Số học sinh có trong 2 lớp :15 em
 - Số giáo viên : 02 giáo viên
 - Xã chưa có Trường THCS
- Trường Mẫu giáo ,mầm non có 3 điểm trường
- Trường mầm non trung tâm:
 - Diện tích sử dụng : 1.050m²
 - Diện tích xây dựng:400 m² gồm 3 dãy nhà cấp 4 được xây dựng năm 2010 (có 8 phòng),chất lượng công trình trung bình
 - Diện tích sân chơi,bãi tập:770 m²
 - Số học sinh có trong 3 lớp :53 em
 - Số giáo viên : 5 giáo viên
 - Thiếu trang thiết bị
 - Trường mầm non Kê Nênh:
 - Diện tích sử dụng : 657 m²
 - Diện tích xây dựng:90 m² ;nhà cấp 4 được xây dựng năm 2004 chất lượng công trình đã xuống cấp
 - Diện tích sân chơi,bãi tập:100 m²
 - Số học sinh có trong 2 lớp:15 em; 02 giáo viên
 - Trường mầm non Kê Nênh:
 - Diện tích sử dụng : chưa có đất đang học nhờ trong điểm trường tiểu học
 - Số học sinh có trong 01 lớp :17 em ; 02 giáo viên

b) Y tế

Xã hiện có trạm y tế, đang hoạt động nhờ nhàcó 3 phòng. Hiện tại đang được xây dựng

Trạm có 6 cán bộ trong đó có 4 y sỹ, 1 nữ hộ sinh,1 điều dưỡng,01 y tá và chưa có bác sỹ,chưa có cán bộ dược..Trạm có đầy đủ cơ sở thuốc dự trữ PCTT tại chỗ

- Có cán bộ y tế bản : có 3/4 bản đã có y tá

- Trang bị của trạm còn thiếu nhiều so với yêu cầu phục vụ của cộng đồng.
- Công tác tiêm chủng mở rộng đạt
(Hiện đang xây dựng trạm y tế 2 tầng)

c) Nhà ở dân cư

Tổng số có 01 hộ có nhà kiên; 231 hộ nhà bán kiên cố; Bên cạnh đó còn 17 hộ nhà tranh tre, tạm bợ thiếu an toàn.

TT	Tên Bản, Cụm	Số hộ	Nhà kiên cố (Cấp 1,2,3)	Nhà bán kiên cố (cấp 4)	Nhà tạm bợ
1	Tà Lèng	105		98	07
2	Kê Nênh	60	01	55	04
3	Nà Nghè	57		52	05
4	Cụm Lọng Hóm	27		26	01
Tổng		249	01	231	17

2.5 Hệ thống giao thông

- Đường liên xã ,liên bản dài 15 km ;đã bê tông hóa 8 km
- Đường nội bản và ngõ xóm 50% chưa bê tông hóa
- Đường nội đồng chỉ là đường đất lầy lội khi mưa

2.6 Hệ thống thủy lợi

Trên địa bàn xã chưa có trạm bơm,hệ thống thủy lợi chủ yếu dựa vào hệ thống tự chảy và nước mưa là chính

Xã có 01 phai suối Nậm Phạ và đập Na Ít đủ tưới cho 37 ha lúa

Xã có 7 tuyến kênh, mương dài 6,4 km do xã quản lý và đã cứng hóa được 3,7km

2.7 Hệ thống điện

Trên địa bàn xã có 2 trạm biến áp,chất lượng phục vụ tốt; chất lượng công trình trung bình

Hệ thống điện lưới hạ thế quốc gia dài 2,5 km, được xây dựng năm 2000 và vẫn hoạt động tốt ; đã tới 4/4 bản. Nhưng do địa hình đồi núi phức tạp và phân bố dân cư chưa đồng đều nên vẫn còn một số hộ trong các bản vẫn chưa có điện .

2.8 Hệ thống nước, vệ sinh

Tên Bản, Cụm	Số hộ	Nguồn nước sạch				Nhà vệ sinh		
		Giếng đào	Bể chứa	Trạm cấp nước công cộng/nước sạch tự chảy	Không có dụng cụ chứa	Tự hoại	Tạm	Không có
Tà Lèng	105		06	06	80	03	72	30
Kê Nênh	60		02	02	45	01	40	19
Nà Nghè	57		03	03	40	0	40	17
Cụm Lọng Hỏm	27	02	0	0	07	01	16	9

2.9 Hệ thống thông tin liên lạc

Hiện toàn xã chưa có điểm bưu điện văn hóa, 4/4 bản, cụm bản đã có hệ thống truyền thanh,

- Đã có Internets đến xã, các thôn chưa có.
- Trên địa bàn xã có 3 trạm phủ sóng

3. Công tác phòng, chống thiên tai trong thời gian qua

Xác định rõ công tác PCTT là một trong những công tác trọng tâm hàng đầu, vì vậy ngay từ đầu năm xã đã xây dựng kế hoạch PCTT- với phương châm “chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục nhanh chóng và hiệu quả” nhằm giảm tới mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản. Với nguồn lực và nhân lực được thực hiện theo phương châm 4 tại chỗ.

Hàng năm, UBND xã chỉ đạo các tổ phụ trách thôn phối hợp với các bản rà soát, kiểm tra các khu dân cư, các hộ gia đình. Khoanh vùng có nguy cơ sạt lở đất, lũ quét để đảm bảo an toàn cho nhân dân.

BCH PCTT- xã phân công các thành viên trực 24/24 giờ khi có thiên tai xảy ra. Chỉ đạo Ban Công an xã và BCH quân sự xã trực gác ở các đoạn đường hay bị ngập và có nguy cơ bị sạt lở trên địa bàn. Cảnh báo và ngăn chặn người và phương tiện giao thông đi lại qua các cầu, các đoạn đường bị ngập khi lũ về nhằm hạn chế tai nạn xảy ra. Thường xuyên theo dõi diễn biến thiên tai, thời tiết để thông báo cho dân biết để chủ động phòng chống.

Sau mỗi lần thiên tai xảy ra đều thực hiện nghiêm túc việc đánh giá thiệt hại đồng thời có các biện pháp khắc phục ngay và rút ra bài học kinh nghiệm.

B. THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ VỀ THIÊN TAI, TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG VÀ NĂNG LỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Tình hình thiên tai

Xã Tà Lèng hàng năm phải chịu nhiều loại hình thiên tai như: hạn hán, rét hại, mưa đá, ngập lụt, SLD.lũ quét.Các thiên tai hầu hết đều có gia tăng về cả tần suất và cường độ,thời gian

Bảng Lịch sử thiên tai

Năm. tháng xảy ra thiên tai (1)	Loại hình thiên tai đã xảy ra (2)	Đặc điểm và xu hướng thiên tai (3)	Khu vực thiệt hại (4)	Những thiệt hại và mức độ thiệt hại (5)	Nguyên nhân dẫn đến từng thiệt hại (6)	Những việc người dân và chính quyền địa phương đã làm (7)
1957	Lũ quét +SLĐ	Mưa rất to 2-3 h,!/2 quả đồi sạt chấn dong suối thẳm mây nước dâng cao đột ngột	Bản tà lèng trên	-Ngập ½ bản;mất mùa,mất đất,trôi gia cầm	-Súc vật nhốt trong chuồng	Tự khắc phục

2002	Hạn hán	Xảy ra từ tháng 4- tháng 5 -Xảy ra từ từ	Bản tà lèng	-35 ha ngô;60 ha lúa nương,56 ha lúa nước -Thiếu nước sinh hoạt	-Mùa vụ trùng mùa hạn hán -Không có trạm bơm -Nước tưới phụ thuộc nước tự chảy và nước mưa	-Thay giống ngắn ngày,chịu hạn tốt hơn; -Trồng ngô muộn hơn -Tiết kiệm nước và tận dụng mọi nguồn nước -Đào thêm giếng
2006	Lũ quét	Xảy ra rất nhanh, cuốn theo mọi thứ trên đường đi qua	Suối Năm phạ khu vực bản Nà nghề	- a -	-ruộng,ao ở Ven suối Năm phị -Mùa lúa, thả cá trùng mùa thiên tai -Bò bao không an toàn	-Trồng rừng -Chủ động thu hoạch trước thiên tai
2008	Lũ quét	Xảy ra rất nhanh, cuốn theo mọi thứ trên đường đi qua	Suối Tà Lèng	-Ao vỡ,mất cá -Mất lúa và hoa màu -Gia cầm bị chết,bị trôi- -Đường bị hư hỏng -Nhà bị trôi -Thiếu nước sinh hoạt -Mất đất canh tác	-Ven suối Tà Lèng -Mùa vụ trùng mùa thiên tai -Nhà ven suối -Ao cá ven suối,bò không an toàn	-Trồng rừng -Chủ động thu hoạch trước thiên tai

Năm. tháng xảy ra thiên tai (1)	Loại hình thiên tai đã xảy ra (2)	Đặc điểm và xu hướng thiên tai (3)	Khu vực thiệt hại (4)	Những thiệt hại và mức độ thiệt hại (5)	Nguyên nhân dẫn đến từng thiệt hại (6)	Những việc người dân và chính quyền địa phương đã làm (7)
2008	Lốc	Xảy ra nhanh	Nà nghề	-3 ha lúa -ngô bị gãy, đổ		-Dụng lại ngô bị đổ
01/2008	Rét đậm, rét hại	Nhiệt độ xuống thấp kéo dài trên 1 tháng	Toàn xã	- Nhiều người dân bị ảnh hưởng đến sức khỏe (đặc biệt là người cao tuổi và trẻ em) - Gia súc, gia cầm bị chết nhiều - Diện tích hoa màu bị giảm năng suất	- Nhiệt độ xuống quá thấp người dân không thích ứng được. - Chuồng trại chưa được che chắn kỹ - Một số hộ còn thả rông gia súc, chưa dự trữ thức ăn cho gia súc, chưa biết cách chăm sóc gia súc, gia cầm, không che chắn cây trồng	- Tuyên truyền người dân phòng, chống rét cho người và gia súc, gia cầm - Một số hộ dân biết cách che chắn chuồng trại cho gia súc, gia cầm
T7/2009	Sạt lở đất	Xảy ra sau mưa lớn kéo dài,	Khu pha 1 dọc đường đi Pú nhi	-sạt. 20-30m đường; -Lúa màu bị	_Taly âm đường dốc -Ruộng ở nơi	-Trồng rừng keo

Năm. tháng xảy ra thiên tai (1)	Loại hình thiên tai đã xảy ra (2)	Đặc điểm và xu hướng thiên tai (3)	Khu vực thiệt hại (4)	Những thiệt hại và mức độ thiệt hại (5)	Nguyên nhân dẫn đến từng thiệt hại (6)	Những việc người dân và chính quyền địa phương đã làm (7)
				mất -Mất đất canh tác	SLĐ -	
11/2009	Rét đậm, rét hại	- Nhiệt độ xuống thấp dưới 10 ⁰ C kéo dài từ 7 đến 10 ngày/đợt (từ tháng 11/2009 đến tháng 12 năm 2009)	Toàn xã	- Nhiều người dân bị ảnh hưởng đến sức khỏe (đặc biệt là người cao tuổi và trẻ em),chết 1 người - trâu bò chết 5 con, gia cầm bị chết 400 con - Diện tích hoa màu bị chết hoặc giảm năng suất 2ha -Mạ bị chết 2 ha	- Nhiệt độ xuống quá thấp người dân không thích ứng được. - Chuồng trại chưa được che chắn kỹ - Một số hộ còn thả rông gia súc, - Chưa dự trữ thức ăn cho gia súc, chưa biết cách chăm sóc gia súc, gia cầm, không che chắn cây trồng -Thả rông	- Tuyên truyền, hỗ trợ người dân phòng, chống rét cho người và gia súc, gia cầm - Một số hộ dân biết cách che chắn chuồng trại cho gia súc, gia cầm Hỗ trợ quần áo Che chắn cho mạ -Có chuongf được che chắn cho gia súc, không thả rông trâu bò -Rá tro bếp,lân cho hoa màu
T8/2009	Lốc xoáy	-Xảy ra	Bản Kê	-3 nhà bị lốc	-Nhà lợp ngói	Chằng

Năm. tháng xảy ra thiên tai (1)	Loại hình thiên tai đã xảy ra (2)	Đặc điểm và xu hướng thiên tai (3)	Khu vực thiệt hại (4)	Những thiệt hại và mức độ thiệt hại (5)	Nguyên nhân dẫn đến từng thiệt hại (6)	Những việc người dân và chính quyền địa phương đã làm (7)
		nhanh mạnh,kèm theo mưa đá	Nênh khu vực tại trại bò	mái -Một nhà bị xiêu vẹo -2000m2 hoa màu,cây đồ gãy	,tranh không chằng chống -Nhà tạm bợ -	chống,ghim néo nhà cẩn thận
9/2009	Mưa đá	-Xảy ra đột ngột,kéo dài 30',cục đá to 1-2cm	-Bản Tà lèng,bản Kê Nênh	-Mất 1ha lúa;0,8 ha màu,10 nha hông mái ngói	-Lúa màu trùng mùa thiên tai	-Thường xuyên theo dõi thông tin
2011	Lốc	Xảy ra nhanh	Bản Nà Nghè,Kê Nênh	\$ nhà lốc mái,01 nhà bị hư hại nặng	-Nhà tạm -Nhà lợp ngói không chằng chống	
2011	Rêl Hại	Nhiệt độ xuống rất thấp,kéo dài	Toàn xã	Mạ non chết 15 ha	-mạ mới lên còn non	-gheo majtreen sân,che nilong cho mạ,bón tro bếp,phân hoai mục
2014	SLĐ	-Xảy ra nhanh	Khu trại bò đến trụ sở UBND xã	01 nhà bị sập,500m dduownghf bị sạt	-Nhà duois chân ta luy đường -Ta luy dương	-huy động giúp đỡ gia đình bị thiệt hại -tham gia khai

Năm. tháng xảy ra thiên tai (1)	Loại hình thiên tai đã xảy ra (2)	Đặc điểm và xu hướng thiên tai (3)	Khu vực thiệt hại (4)	Những thiệt hại và mức độ thiệt hại (5)	Nguyên nhân dẫn đến từng thiệt hại (6)	Những việc người dân và chính quyền địa phương đã làm (7)
					và ta luy âm của đường quá dộc	thông đường

2. Thông tin đánh giá về TTDBTT

Qua thực tế đánh giá RRTT tại địa phương cho thấy. Các yếu tố DBTT ở địa phương chủ yếu là :

- Lúa, hoa màu, cây trồng, bị thiệt hại do mùa vụ trùng vào mùa thiên tai. Thiếu kiến thức, kỹ năng nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo vệ gia súc gia cầm.
- Cơ sở hạ tầng, nhà dân do ở vùng thiên tai thường xảy ra hoặc công trình, nhà ở yếu kém, tạm bợ.

Người: bao gồm các đối tượng thuộc nhóm DBTT, các đối tượng sinh sống nơi dễ xảy ra lũ quét, nhóm cộng đồng có nhận thức thấp, chủ quan. Tình trạng DBTT chủ yếu là do đặc điểm địa lý, địa hình, tập quán sinh sống và thói quen canh tác, nhận thức của người dân, cơ sở hạ tầng yếu kém

Tình trạng DBTT trước thiên tai được xác định như sau

a/ Lĩnh vực an toàn cộng đồng

V/C

- Các cầu trong xã tại tà Lành, Kê Nênh thấp dễ bị ngập - khi có lũ đặc biệt cầu chính bản tà Lành
- Tỷ lệ đường trục xã, liên xã, liên thôn chưa được cứng hóa còn 7km
- Đường nội đồng đều là đường đất tạm bợ, đi lại khó khăn
- Số nhà dột nát, tạm bợ còn nhiều 17 hộ
- Còn 10 hộ Cụm Long Hòm bản Tà Lành chưa có điện sinh hoạt trực tiếp
- Nhà lợp ngói ,tranh không chằng chống còn nhiều

- Có 18 hộ, 5 lán của các hộ nuôi cá thường xuyên có người trông coi ven suối
Thảm mây, nNằm phạ nguy có lũ quét
- Còn 7 hộ sống ven nơi dễ SLĐ khu vực dọc đường liên xã; 03 hộ vùng ngập úng
- Các cầu hầu hết dễ bị ngập không đi lại được khi có mưa lũ
- Cụm Lọng Hòm chưa có nhà VH
- Các thôn chưa có Internet
- Xã chưa có trường THCS
- Điểm Trường mầm non Kê Nênh: chưa có đất đang học nhờ trong điểm trường tiểu học
- Chưa có điểm bưu điện văn hóa
- Thiếu nhiều phương tiện vật tư PCTT

TC/XH

- Hộ nghèo và cận nghèo còn nhiều
- (25 hộ nghèo, 13 hộ cận nghèo) số hộ khá còn thấp (12 hộ)
- Đối tượng dễ bị tổn thương nhiều: 395 khẩu
- Tỷ lệ bản đạt bản văn hóa thấp (1/4)
- Sự phối hợp giữa các tổ chức, đoàn thể đôi lúc chưa chặt chẽ
- Thông tin, báo cáo không kịp thời
- Một số thành viên trong ban chỉ huy PCTT chưa nhiệt tình

NT,KN,TĐ/ĐC

- Còn hiện tượng chặt phá rừng, lấn chiếm đất rừng
- Nhận thức của cộng đồng về thiên tai còn hạn chế
- Còn có hiện tượng chủ quan

b/ Lĩnh vực SX-KD

V/C

- Thu nhập bình quân theo đầu người thấp
- Không có trạm bơm công tác tưới chủ yếu phụ thuộc vào nước tự chảy và nước mưa
- Diện tích đất bị ảnh hưởng của hạn, sạt lở đất, ngập úng cao:

- 4000m² đồng trung tâm Tà Lèng và khu sân bóng tà lèng; 01 ha đồng na Ít; 01 ha Đồng pha Kê nênh, 3000m² khu vực gần trụ sở UBND xã thương bị hạn hán
- 5000m² đồng khu hồ Huổi phạ bị ngập
- 01 ha vùng dọc suối Thâm Mây;
- 6000m² ven trục đường Noong Bua đi Pu Nhi có taluy đường dốc
- ...ha nuôi cá ven suối thường có lũ quét
- Nhiều ao cá ven suối Tà Lèng nơi thường có lũ quét

TC/XH

- Thiếu việc làm (30% trong độ tuổi lao động) thường phải đi làm ăn xa
- Lao động qua đào tạo còn thấp (có 82 lao động)

NT,KN,TĐ/ĐC

- Người dân thiếu kỹ năng chăm sóc cây con trong mùa rét

Lĩnh vực SK-VS-MT

VC

- Thiếu nơi đổ rác thải 1qui định
- Nhà vệ sinh không hợp vệ sinh còn nhiều
- Còn nhiều hộ thiếu phương tiện dự trữ nước
- Mùa vụ trùng mùa thiên tai
- Ao cá ven suối, bờ bao thấp, yếu dễ vỡ
- Ruộng ở nơi SLĐ
- Chuồng trại chưa được che chắn kỹ
- chưa dự trữ thức ăn cho gia súc,
- Không có trạm bơm

TC/XH

- Mùa vụ trùng mùa hạn hán
- Tỷ lệ sinh tự nhiên còn cao(1,84%), còn có sinh con thứ 3
- Trạm y tế chưa có bác sỹ
- Nơi làm việc của Trạm y tế hiện đang nhờ địa điểm trường tiểu học Hoàng Văn Nô

NT,KN,TĐ/ĐC

- Một số hộ còn thả rông gia súc
- Chất thải,rác thải chưa được thu gom và chưa được xử lý
- Ý thức bảo vệ môi trường của CD còn hạn chế
- Người dân thiếu kỹ năng chăm sóc sức khỏe vào mùa rét
- Thiếu kỹ năng chăm sóc cây con trong mùa rét

3. Thông tin đánh giá về Năng lực PCTT

*** Nhận xét chung:**

Nhìn chung với những diễn biến ngày càng phức tạp của thiên tai đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của người dân trong xã. Tuy nhiên cùng với sự quan tâm các cấp chính quyền trong công tác tổ chức triển khai thực hiện phòng chống giảm nhẹ tác động của thiên tai. Trong thời gian qua với ý thức cao của người dân cộng với công tác vận động của chính quyền các cấp được thực hiện thường xuyên , công tác chủ động phòng chống thiên tai của cộng đồng luôn được chú trọng.

Là xã mới được thành lập còn gặp nhiều khó khăn về nhiều mặt nhưng đảng bộ và nhân dân trong xã luôn có ý thức cao trong PCTT như trồng cây chống sạt lở, chằng chống nhà cửa, chuyển đổi giống cây trồng, lương thực dự phòng nên dù thiên tai xảy ra nhanh,lớn song không để thiệt hại về người,giảm nhẹ được thiệt hại lúa,màu...

Những năng lực cụ thể

a/ Lĩnh vực An toàn cộng đồng:

V/C

- Trụ sở UBND xã hiện có 01 nhà 3 tầng .diện tích xây dựng 145m2 là nơi sơ tán an toàn
- Đường liên xã ,liên bản đã bê tông hóa 8 km
- 4/4 bản đã có hệ thống truyền thanh
- Đã có Internets đến xã,các thôn chưa có
- Hầu hết đường nội bản đã bê tông hóa
- Trụ sở Ban Nhân dân bản: 03/04 bản đã có nhà VH bản và đều mới được xây dựng
- Công tác an ninh xã hội được giữ vững

- Có sự hỗ trợ của doanh nghiệp về phương tiện: Ô to 5 cái; máy xúc 5 cái; cần cẩu 5 cái
- Có 2 trạm viễn thông
- Nhà văn hóa xã, điểm bưu điện và trạm y tế xã 2 tầng đang được xây dựng

b/TC/XH

- Cứu trợ kịp thời
- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị
- Cán bộ xã đạt chuẩn
- Có BCHPCTT cấp xã; các tiểu ban PCTT cấp thôn và có tỷ lệ nữ phù hợp (30%) và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên
- Hàng năm đều có lập kế hoạch PCTT; cuối năm có tổng kết, đánh giá
- Đảm bảo trực 24/24 khi có thiên tai
- CD đoàn kết, có tinh thần tương trợ cao

KN, NT, TĐ/ĐC

Người dân có kinh nghiệm dự báo, Thực hiện nghiêm túc chủ trương của CQ

Lĩnh vực SX/KD

V/C

- Xã có 01 phai suối Nậm Phạ và đập Na Ít tốt cấp nước cho trên 30 ha lúa màu
- Xã có 7 tuyến kênh, mương dài 6,4 km do xã quản lý và đã cứng hóa được 3,7km
- Trên địa bàn xã có 2 trạm biến áp, chất lượng phục vụ tốt
- Các cầu đều đã bê tông hóa
- Có 12 máy phay, tuốt lúa

TC/XH

* Số người trong độ tuổi lao động: 846 người, có 421 nam và nữ là 425 người

KN, NT, TĐ, DC

Lĩnh vực sức khỏe, vệ sinh môi trường

V/C

Có trạm y tế xã

TC/XH

- Số hộ được sử dụng nước sạch 78,72%
- Trạm y tế có 6 cán bộ trong đó có 4 y sỹ, 1 nữ hộ sinh, 1 điều dưỡng, 01 y tá

- 3/4 bản, cụm dân cư đã có y tá
- 65% người dân tham gia bảo hiểm y tế

KN, NT, TĐ/ĐC

4. Đánh giá mức độ nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân

Qua đánh giá ở 2 cụm thôn và phỏng vấn 3 nhóm đặc thù, cho thấy:

- Nhận thức của cộng đồng về rủi ro thiên tai và BĐKH còn hạn chế
- Người dân chưa hiểu hoặc hiểu rất hạn chế về thiên tai.
- Người dân đã có một số kinh nghiệm dân gian về phòng tránh thiên tai. - Các hộ vùng thường xuyên bị ngập đã có ý thức chuẩn bị các phương tiện dự phòng
- Người dân còn chủ quan trước thiên tai.

C. Tổng hợp Rủi ro thiên tai và Giải pháp phòng, chống thiên tai

1. Tổng hợp Rủi ro thiên tai

* Nhận xét chung:

Các Rủi ro thiên tai tại địa phương là do các loại hình thiên tai :Ngập lụt, sạt lở đất, lũ quét, rét hại, sét gây nên .

Qua kết quả đánh giá những ảnh hưởng của các loại hình thiên tai trên. Có các vấn đề được người dân quan tâm, xếp loại ưu tiên theo thứ tự như sau:

1. Thiếu nước sinh hoạt
2. Mất đất canh tác
3. Thiệt hại về lúa, màu, cây tròn
4. Thiếu ăn
5. Môi trường bị ô nhiễm
6. Thiệt hại về người
7. Hạ tầng cơ sở bị hư hỏng
8. Giao thông bị ách tắc
9. Học sinh phải nghỉ học
10. Gia súc, gia cầm bị trôi, bị chết
11. Nhà bị hư hỏng

2. Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai

Trên cơ sở phân tích nguyên nhân, cộng đồng đã đưa ra nhiều giải pháp và sau đó dựa vào các tiêu chí :Tính cấp thiết, tính khả thi, đối tượng hưởng lợi, tình hình kinh tế-

xã hội của xã và kế hoạch PTKT-XH của xã, cộng đồng đã xếp hạng ưu tiên theo thứ tự như sau:

1. Nâng cao nhận thức cộng đồng về PCLB ,bảo vệ môi trường
2. Tăng cường năng lực PCTT cho cộng đồng
3. Trồng và bảo vệ rừng
4. Sửa chữa,nâng cấp ,làm thêm mương tưới
5. Cho vay vốn XD bể nước
6. Tăng cường việc tương trợ giúp đỡ lẫn nhau
7. Tăng cường công tác quản lý các công trình mương máng, nước sinh hoạt
8. Chuyển đổi giống cây con
9. Chuyển đổi mùa vụ
10. Tập huấn kỹ năng canh tác trên đất đồi dốc
11. Xây bể chứa nước
12. Làm ruộng bậc thang
13. Quy hoạch đất ở và đất sản xuất
14. Trồng và bảo vệ rừng
15. Tăng cường công tác vận động sinh đẻ có kế hoạch

TỔNG HỢP GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG THIÊN Tai

Giải pháp	Nội dung hoạt động	Địa điểm thực hiện	Người/đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện			Điều kiện đảm bảo		
				Ngã hạn (N)	Trung hạn (T)	Dài hạn (D)	Cộng đồng (C)	Nhà nưóc (N)	Hỗ trợ (H)
1	Củng cố kiện toàn BCH-	-Trụ sở UBND xã	-Chủ tịch UBND xã -Trưởng	N			x		

	PCTT xã và-các tiểu ban PCTT các thôn, và phân công công việc cụ thể	-Nhà văn hóa thôn -Nơi làm việc của các tổ chức đoàn thể, trường học, phòng, trạm y tế	thôn -Trưởng các tổ chức đoàn thể, trường học, các ban, phòng, trạm y tế						
2	Thành lập đội xung kích và TKCN, phản ứng nhanh,Đội liên lạc hỏa tốc	-Trụ sở UBND xã	- Chủ tịch UBND xã - Trưởng thôn - Trưởng ban CH QS, công an, bí thư đoàn TNCS HCM	N			x		
3	Tuyên truyền kiến thức về PCTT, Luật PCTT, Đề án 1002, kế hoạch PCTT của thôn, xã.	-Nhà VH xã -Nhà VH thôn -Các hội nghị -Nơi đông người		N			x		Tài liệu, tranh, ảnh, tờ rơi về PCTT

4	Tập huấn nâng cao nhận thức về PCTT cho 100% cán bộ xã, thôn về kiến thức PCTT (2 ngày)	-Nhà VH xã	--Văn phòng UB -Hội CTĐ -VH xã	x	x		x	x	Kinh phí THV Tài liệu
5	Tập huấn nâng cao nhận thức về PCTT cho 30% hộ dân là các đối tượng DBTT (2 ngày)	-Nhà VH xã	--Văn phòng UB -Hội CTĐ -VH xã	x	x	x	x	x	Kinh phí THV Tài liệu
6	Tập bơi cho cộng đồng trong vùng, đặc biệt là trẻ em và phụ nữ		-Đoàn -BGH các trường, -Phụ nữ xã -Hội CTĐ	x	x	x	x	x	-Tài liệu -THV -trang bị cứu hộ, Cứu nạn
7	Tu sửa,	Trạm y	Chủ tịch xã	x	x	x	x	-	Áo phao,

	mua trang thiết bị SCC, TK-CN	tế	-VP,Tài vụ -Trưởng trạm					Cấp thêm cán g, nẹp cố định	phao bơi, thuyền/xuồng máy
8	-Tập huấn kỹ năng TK-CN, SCC cho lực lượng XK, đội ứng phó nhanh, - TK-CN(3 ngày)	Nhà VH UBND xã	- Trưởng trạm y tế - Hội CTĐ	x	x		x	x	-Tài liệu -THV -trang bị cứu hộ, cứu nạn -Bảo hộ lao động
9	Diễn tập ứng phó tình huống khẩn cấp (1 ngày)	-Tại thôn nguy cơ cao	-Chủ tịch xã -Quân sự -Công an	x	x	x	x	x	-Kinh phí
10	Trồng và bảo vệ rừng		Địa chính	x			x	x	-Giống cây -Kỹ thuật
11	Nạo vét kênh		Địa chính	x			x		

	mương, khơi thông dòng chảy, phát quang ven suối, mương tưới, mương tiêu								
12	Di dời các hộ vùng nguy cơ cao đến nơi ở mới an toàn	-Các hộ nơi nguy cơ cao	-Chủ tịch xã -trưởn thôn có hộ di dời	x	x	x	x	x	-Hỗ trợ kinh phí di dời
13	Lập phương án sơ tán	-Các thôn -VP UBND xã	-Trực PCTT -Quân sự -Công an	x			x		-Nhà vệ sinh di động -Các dụng cụ đựng nước,lọc nước
14	-Tổ chức các hoạt động cảnh báo.	-Tại các nơi nguy cơ lũ quét, SLĐ	-Ban CH- PCTT	x			x		-Cấp bản đồ theo dõi bão -cấp tiền vẽ bản đồ

									rủi ro thiên tai của xã
15	Triển khai việc chăng chống nhà cửa	Toàn xã	Ban CH- PCTT	x	x	x	x		
16	Thu hoạch lúa,màu,t hủy sản chạy lũ	Toàn xã	-Ban PCTT -Địa chính	x			x		-Hỗ trợ thuyền chở lúa cho hộ nghèo
17	Đảm bảo an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc	-Toàn xã -Nơi dân sơ tán đến	-Ban CA xã -Quân sự	x			x		
18	Tổ chức thường trực, trực ban cập nhật thông tin diễn biến thiên tai	-VP UB -VP các tổ chức đoàn thể -Nhà VH thôn	-Trực PCTT - VP -Trưởng các ban,ngành,đ oàn thể, BGH các trường, trưởng thôn	x			x		
19	Tìm	Nơi xây	-TB	x			x		-Hỗ trợ

	kiểm,cứu nạn	ra thiên tai	CH_PCTT - Đội TK- CN -Lực lượng QS, CA						phương tiện vật tư: áo phao, phao bơi,thuyền máy/xuôn g máy
20	Cứu trợ khẩn cấp	Nơi bị thiệt hại	-TB CH_PCTT -Đội TK- CN -Lực lượng QS, CA - Đội ứng phó nhanh	x			x		Lương thực, thực phẩm các nhu yếu phẩm thiết yếu trong trường hợp nghiêm trọng
21	Cứu trợ sau thiên tai	Nơi bị thiệt hại thiên tai gần nhất	- Mặt trận - CTĐ - Hội phụ nữ	x			x	x	Lương thực, thực phẩm các nhu yếu phẩm thiết yếu trong trường hợp nghiêm trọng theo đánh giá nhu cầu sau thiên tai

22	Nước sạch và y tế	Tại nơi xảy ra thiên tai và nơi sơ tán	-Trạm y tế xã	x			x		-hỗ trợ thuốc nước sạch,dụng cụ chứa nước,cán bộ theo tình hình thực tế
23	Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp		Địa chính	x	x	x	x	x	x
24	Triển khai biện pháp chống rét cho người, đặc biệt cho đối tượng dễ bị tổn thương;	Toàn xã		x			x	x	x
25	Triển khai								

	chống rét và đảm bảo nguồn thức ăn cho gia súc								
26	Dựng các lán trại tạm thời cho người dân bị mất nhà ở;	Nơi người dân sơ tán đến hoặc nơi người dân mất hết nhà cửa	-Lực lượng XK Phản ứng nhanh Đoàn TN	x			x	x	Hỗ trợ 3 nhà bạt
27	Thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai và nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ	Nơi bị thiệt hại do thiên tai gây ra	-Chủ tịch xã - Mặt rân,Các ban ngành, đoàn thể,thôn trưởng,ngư ời dân	x			x	- Mã u đánh giá	
28	Tổ chức vệ sinh môi trường, phòng	Toàn xã	-Trạm y tế -Tất cả các tổ chức,đoàn thể,thôn	x			x		-Thuốc khử trùng

	chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai		trưởng,cộng đồng						
29	Báo cáo	UBND xã	Chủ tịch UBND xã	x			x		
30	-Lập kế hoạch và đề xuất sửa chữa, khôi phục , nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai,...	VP UBND xã	Chủ tịch xa				x	x	x
31	-Kiến nghị hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu , giống cây	VP UBND xã	Chủ tịch xa				x	x	X

trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất;									
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

D. Đề xuất

Đề xuất kiến nghị với cấp có thẩm quyền giải quyết những việc sau:

- a. Bổ sung trang thiết bị cần thiết cho các lực lượng tham gia phòng chống đảm bảo khi có tình huống xảy ra có thể sử lý được ngay và có hiệu quả.
- b. Trang bị thêm áo phao, phao bơi, loa cầm tay
- c. Tăng cường công tác tuyên truyền và tập huấn về PCTT cho mọi đối tượng đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương và học sinh
- d. Tổ chức tập huấn kỹ năng tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn cho lực lượng phản ứng nhanh, TK-Cn, SCC
- e. Tổ chức tập bơi cho trẻ em và phụ nữ
- g. hàng năm tổ chức đánh giá RRTT –DVCD trước khi lập kế hoạch PCTT và lồng ghép KH-PCTT với kế hoạch PT-KTXH của địa phương

Nơi nhận :

- BCHPCLB huyện (b/c);
- TT. ĐU, HĐND (b/c);
- Các Thành viên BCD;
- Các thôn bản, ban ngành;
- Lưu VP.

UBND XÃ TÀ LENG

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC KÈM THEO

-Bảng Lịch sử thiên tai

-Bảng lịch mùa vụ

-Bảng điểm mạnh điểm yếu

-Bảng tổng hợp kết quả ĐGRRTT

-Họa đồ rủi ro thiên tai

-Tổng hợp giải pháp PCTT

yếu

Điểm mạnh điểm

	Điểm yếu	Mạnh
Người dân	<p>a/-Lĩnh vực an toàn cộng đồng V/C</p> <ul style="list-style-type: none"> -Các cầu trong xã tại tà Lệnh,Kê Nênh thấp dễ bị ngập sâu khi có lũ -Tỷ lệ đường trục xã,liên xã,liên thôn chưa được cứng hóa còn 7km -Đường nội đồng đi lại khó khăn -Số nhà dột nát, tạm bợ còn nhiều (20%) -Còn 10 hộ Cụm Long Hỏm bản Tà Lèng chưa có điện sinh hoạt trực tiếp -Nhà lợp ngói ,tranh không chằng chống còn nhiều - 5 lán của các hộ nuôi cá thường xuyên có người trông coi ven suối Thẩm mây,nạp phạ nguy có lũ quét -Còn 7 hộ sống ven nơi dễ SLĐ -Các cầu hầu hết dễ bị ngập không đi lại được khi có mưa lũ <p>TC/XH</p> <ul style="list-style-type: none"> -Hộ nghèo và cận nghèo còn nhiều (42 hộ nghèo,15 hộ cận nghèo)số hộ khá còn thấp (12 hộ) -Đối tượng dễ bị tổn thương nhiều:395 khẩu 	<p>a/-Lĩnh vực An toàn cộng đồng: V/C</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trụ sở UBND xã hiện có 01 nhà 3 tầng .diện tích xây dựng 145m2 là nơi sơ tán an toàn - Đường liên xã ,liên bản đã bê tông hóa 8 km -4/4 bản đã có hệ thống truyền thanh -Đã có Internets đến xã,các thôn chưa có -Hầu hết đường nội bản đã bê tông hóa -Có 2 trạm viễn thông - <p>b/TC/XH</p> <ul style="list-style-type: none"> -CĐ đoàn kết,có tinh thần tương trợ cao <p>KN,NT,TĐ/ĐC</p> <ul style="list-style-type: none"> -Người dân có kinh nghiệm dự báo,Thực hiện nghiêm túc chủ trương của CQ <p>Lĩnh vực SX/KD V/C</p> <ul style="list-style-type: none"> -Xã có 01 phai suối Nậm Phạ và đập Na Ít tốt cấp nước cho

	<p>NT,KN,TĐ/ĐC</p> <ul style="list-style-type: none"> -Còn hiện tượng chặt phá rừng,lấn chiếm đất rừng -Nhận thức của cộng đồng về thiên tai còn hạn chế -Còn có hiện tượng chủ quan <p>b/-Lĩnh vực SX-KD V/C</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thu nhập bình quân theo đầu người thấp -Không có trạm bơm công tác Tưới chủ yếu phụ thuộc vào nước tự chảy và nước mưa -Diện tích đất bị ảnh hưởng của hạn,sạt lở đất,ngập úng cao: +4000m2 đồng trung tâm Tà Lèng và khu sân bóng tà lèng;01 ha đồng na ít;01 ha Đồng pha Kê nênh, 3000m2 khu vực gần trụ sở UBND xã thường bị hạn hán + 5000m2 đồng khu hồ Huổi phạ bị ngập + 01 ha vùng dọc suối Thẩm Mây; + 6000m2 ven trục đường Noong Bua đi Pu Nhi có taluy đường dốc -3 ha nuôi cá ven suối thường có lũ quét <p>TC/XH</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thiếu việc làm(30% trong độ tuổi lao động)thường 	<p>trên 60 ha lúa màu</p> <ul style="list-style-type: none"> -Xã có 7 tuyến kênh, mương dài 6,4 km do xã quản lý và đã cứng hóa được 3,7km -Trên địa bàn xã có 2 trạm biến áp,chất lượng phục vụ tốt -Các cầu đều đã bê tông hóa <p>TC/XH</p> <p>* Số người trong độ tuổi lao động: 846 người, có 421 nam và nữ là 425 người</p> <p>KN,NT,TĐ,DC</p> <p>Lĩnh vực sức khỏe ,vệ sinh môi trường V/C</p> <ul style="list-style-type: none"> -Có trạm y tế xã <p>-TC/XH</p> <ul style="list-style-type: none"> -Số hộ được sử dụng nước sạch 78,72% Trạm y tế có 6 cán bộ trong đó có 4 y sỹ, 1 nữ hộ sinh,1 điều dưỡng,01 y tá -3/4 bản,cụm dân cư đã có y tá -65% người dân tham gia bảo hiểm y tế
--	--	---

	<p>phải đi làm ăn xa -Lao động qua đào tạo còn thấp (có 82 lao động)</p> <p>NT,KN,TĐ/ĐC -Người dân thiếu kỹ năng chăm sóc cây con trong mùa rét</p> <p>Lĩnh vực SK-VS-MT VC -Thiếu nơi đổ rác thải 1qui định -Nhà vệ sinh không hợp vệ sinh còn nhiều -Còn nhiều hộ thiếu phương tiện dự trữ nước -Nhiều ao cá ven suối Tà Lèng nơi thường có lũ quét -Mùa vụ trùng mùa thiên tai -Ao cá ven suối,bờ bao thấp,yếu dễ vỡ -Ruộng ở nơi SLĐ -- Chuồng trại chưa được che chắn kỹ -chưa dự trữ thức ăn cho gia súc, -Không có trạm bơm</p> <p>TC/XH -Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm cao(1,84%) -Mùa vụ trùng mùa hạn hán -Tỷ lệ sinh tự nhiên còn cao(1,83%),còn có sinh con thứ 3</p>	<p>KN,NT,TĐ/ĐC -</p>
--	--	---------------------------------

	<p>NT,KN,TĐ/ĐC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ còn thả rông gia súc -chất thải,rác thải chưa được thu gom và chưa được xử lý -Ý thức bảo vệ môi trường của CĐ còn hạn chế -Người dân thiếu kỹ năng chăm sóc sức khỏe vào mùa rét -Thiếu kỹ năng chăm sóc cây con trong mùa rét 	
<p>Chính quyền,các tổ chức đoàn thể</p>	<p>a/-Lĩnh vực an toàn cộng đồng V/C</p> <ul style="list-style-type: none"> -Cụm lọng Hỏm chưa có nhà VH -Các thôn chưa có Internet -Xã chưa có trường THCS - Điểm Trường mầm non Kê Nênh:chưa có đất đang học nhờ trong điểm trường tiểu học -Chưa có điểm bưu điện văn hóa -Thiếu nhiều phương tiện vật tư PCTT -Nơi làm việc của Trạm y tế hiện đang nhờ địa điểm trường tiểu học Hoàng Văn Nô - <p>TC/XH</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tỷ lệ bản đạt bản văn hóa 	<p>a/-Lĩnh vực an toàn cộng đồng V/C</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trụ sở UBND xã hiện có 01 nhà 3 tầng .diện tích xây dựng 145m2 - Trụ sở Ban Nhân dân bản: 03/04 bản đã có nhà VH bản và đều mới được xây dựng -Công tác an ninh xã hội được giữ vững -Cứu trợ kịp thời Có sự hỗ trợ của doanh nghiệp về phương tiện:Ô to 5 cái;máy xúc 5 cai;cần cẩu 5 cai_ <p>-TC/XH</p> <ul style="list-style-type: none"> -Có đủ các tổ chức

	<p>thấp(1/4)</p> <ul style="list-style-type: none"> -Sự phối hợp giữa các tổ chức,đoàn thể đôi lúc chưa chặt chẽ -Thông tin,báo cáo không kịp thời -Trạm y tế chưa có bác sỹ -Chưa có đội ứng phó nhanh,đội xung kích,đội sơ cấp cứu,TK-CN <p>NT,KN,TĐ/ĐC</p>	<p>trong hệ thống chính trị</p> <ul style="list-style-type: none"> -Cán bộ xã đạt chuẩn -Có BCHPCTT cấp xã;các tiểu ban PCTT cấp thôn và có tỷ lệ nữ phù hợp(30%) và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên -Hàng năm đều có lập kế hoạch PCTT ;cuối năm có tổng kết,đánh giá -Đảm bảo trực 24/24 khi có thiên tai -Có 12 máy phay,tuốt lúa
--	--	---

CÔNG CỤ 3.1: LỊCH MÙA VỤ XÃ HÙNG SƠN (Tính theo âm lịch)

THÁNG	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
Mùa vụ /Hoạt động xã hội													Ảnh hưởng của thiên tai đến hoạt động?tại sao,kinh nghiệm
Chăn nuôi													<ul style="list-style-type: none"> - Rét hại, sương muối làm chết trâu bò gây dịch bệnh lở mồm long móng. - Che chắn tốt chuồng trại, có chế độ chăm sóc phù hợp, tiêm phòng cho gia súc, gia cầm kịp thời.
Lúa chiêm Cày: Nam, nữ Cấy: Nữ Gặt: Nam, nữ Chăm sóc: Nữ													<ul style="list-style-type: none"> - Mạ thường bị chết do rét đậm, rét hại. Đã sử dụng các biện pháp chăm sóc phù hợp:bón phân tro,hoai mục,lân,ngày xả nước,đêm tháo nước vào ruộng thay đổi giống mới phù hợp với thời tiết. Che chắn cho mạ khi rét đậm rét hại và sương muối.
Lúa mùa Cày: Nam, nữ Cấy: Chủ yếu là nữ Gặt: Nam, nữ Chăm sóc: chủ yếu là nữ													<ul style="list-style-type: none"> - Bị mất mùa, giảm năng suất do thiên tai, - Đã sử dụng các biện pháp chăm sóc phù hợp. Sử dụng giống ngắn ngày, chịu hạn, -Nà Nghè gieo sớm hơn
Ngô Chăm sóc và thu hoạch: Cả nam và nữ													<ul style="list-style-type: none"> - Thường bị sâu bệnh, gãy đổ do gió mạnh, ló, hạn hán. - Trồng giống ngô lai có năng suất cao (

Nuôi trồng thủy sản											Thường bị mất do lũ quét, hạn hán -Làm bờ chắc hơn, chọn con giống phù hợp -Thu hoạch trước mùa lũ
Sản Chăm sóc và thu hoạch: Cả nam và nữ											- Thiên tai hạn hán làm giảm năng suất bị gãy đổ do lốc xoáy.
Trồng rừng											- Chủ yếu là cây keo - Bị ảnh hưởng do sạt lở đất, gãy đổ cây lốc xoáy.
Ngày đại đoàn kết											
Tết nguyên đán											- ảnh hưởng đến lễ hội chủ yếu là rết
Thiên tai											Xu hướng thiên tai
Sạt lở đất											Tần suất mưa tăng, sạt lở xảy ra nhiều
Lũ quét											Mưa lớn hơn, xảy ra rất nhanh
Hạn hán											Do nắng nóng kéo dài, nhiệt độ cao. Số lần hạn nhiều, kéo dài hơn.
Rét đậm, rét hại											Số lần rét đậm, rét hại tăng, nhiều đợt và rất lâu ngày, kèm theo mưa phùn, sương muối.
Mưa đá											-Xảy ra khi có lốc, thời gian ngắn
Lốc xoáy											-Xảy ra nhanh, không biết trước, kèm theo mưa đá

Năm tháng	Loại thiên Tai	Đặc điểm và su hướng	Khu vực chịu ảnh hưởng	Mức độ thiệt hại	Nguyên nhân	Cách khắc phục
2002	Hạn hán	Xảy ra từ tháng 4-tháng 5 -Xảy ra từ từ	Bản tà lèng	-35 ha ngô;60 ha lúa nương,56 ha lúa nước -Thiếu nước sinh hoạt	-Mùa vụ trùng mùa hạn hán -Không có trạm bơm -Nước tưới phụ thuộc nước tự chảy và nước mưa	-Thay giống ngắn ngày hạn tốt hơn; -Trồng ngô muộn hơn -Tiết kiệm nước và tận dụng mọi nguồn nước -Đào thêm giếng
T7+T8/2006		Mưa lớn kéo dài 3 ngày, xảy ra nhanh	Bản nà nghè	- 4Ha lúa bị lấp đá soi, - 5 Tạ cá bị trôi	- Do ruộng gần suối, - Do phá rừng đầu nguồn, - Do ao gần suối, bờ tạm	- Huy động nhân dân lấp ao, - Trồng rừng, - Mua cá thả lại.
T8/2008	Lũ Quét + sạt lở đất	Bất ngờ, nhanh, cuốn theo đất đá cây cối hoa màu	- Dọc suối thẳm mây chảy theo khu ruộng Nát, - Suối nặm phạ chảy ra hồ	- Ruộng lúa dọc suối thẳm mây Diện tích 6 Ha, - Ao cá 8 cái dt 1,2 ha, tương ứng với khoảng 5 tấn cá, - Lấp bể chứa nước sạch nông thôn dẫn đến nguồn nước sạch bị ô nhiễm ảnh hưởng đến SK của nhân dân, đặc biệt phụ nữ và trẻ em,	- Xảy ra bất ngờ nhân dân không chịu tay, - Người dân chủ quan bảo thủ làm ao gần suối không kê bờ chắc chắn, - - Chặt phá rừng làm nương rẫy, - Ruộng gần dây - Công tác tuyên truyền tới người dân chưa thường xuyên	- Tập huấn cho cán bộ chốt từ xã đến bản để giảm nhẹ RRTT, - Mở rộng dòng chảy, - Huy động nhân dân vét kênh nương dẫn nước vào ruộng, - Vận động nhân dân vận động nhân dân vận động nhân dân sau lũ quét, vận động nhân dân tu sửa kê bờ ao đ
T10/2008	Lốc xoáy	- Nhanh, thời gian không kéo dài, - Không xác định địa điểm	Bản Nà Nghè	- Ảnh hưởng đến hoa màu 3Ha lúa, - Cây cối bị đổ gãy	Vì các cây cối hoa màu nằm trên khu vực lốc xoáy	- Vận động nhân dân thay lại lúa hoa màu cho kịp vụ bằng cách chuyển giống cây ngắn ngày

T7/2011		- Nhanh không kéo dài, - Không xác định địa điểm,	- Bản Nà Nghè, - Bản Kê Nênh	- Tóc mái ngói 4 nhà, - - Siêu vẹo 1 nhà	- Nhà tạm mái ngói chưa được kèo	- Kèo chằng mái ngói - Làm lại nhà bán kiên
T7/2009	Sạt lở đất	Xảy ra sau mưa lớn kéo dài,	Khu pha 1 dọc đường đi Pú nhi	-sat. 20-30m đường; -Lúa màu bị	_Taly âm đường dốc -Ruộng ở nơi SLĐ -	-Trồng rừng keo
9/2009	Mưa đá	-Xảy ra đột ngột,kéo dài 30',cục đá to 1-2cm	-Bản Tà lèng,bản Kê Nênh	-Mất 1ha lúa;0,8 ha màu,10 nha hồng mái ngói	-Lúa màu trũng mùa thiên tai	-Thường xuyên theo dõi thông tin
T10/2011	Rét đậm, rét hại	- Kéo dài 7-10 ngày , nhiệt độ xuống thấp dưới 5 độ, - Thời gian kéo dài kèm theo sương muối	Toàn xã	- Bản Tà Lèng Trâu 5 con chết, - Bản kê Nênh trâu 3 con chết , - Bản Nà Nghè trâu 2con, - Mạ non chết 15 Ha, -- Ảnh hưởng đến SK con người nhất là người già, trẻ em, phụ nữ mang thai bị viêm phổi cấp	- Do điều kiện khó khăn người dân thiếu chăn, áo ấm, - Chuồng trại chưa được che chắn, - Chưa dự trữ thức ăn cho gia súc, - Một số hộ dân còn tĩa dậm trong đợt rét, - Nhận thức của người dân còn hạn chế	- Đã tuyên truyền vận độngchống rét cho nhân dân, - Một số hộ dân đã biết trữ lương thực để phòng chống bệnh, - Vận động nhân dân khám bệnh, - Kêu gọi cộng đồng giúp đỡ chợ chăn màn, quần áo cho người già và trẻ em nghèo,
T3+T4 hàng năm	Hạn hán	Nắng nóng kéo dài	Toàn xã	-Ruộng lúa, lúa nương, thiếu nước, lúa trậm phát triển , mất mùa, giảm năng suất, - Đất khô không trồng được ngô, khoai sắn, hoa màu, thiếu ăn, - Thiếu nước sinh hoạt của người dân, thiếu nước tưới tiêu	- Do thiên tai, nắng nóng kéo dai, khô hanh, - Không có đập chứa nước, - Nguy cơ xảy ra cháy rừng, - Ảnh hưởng SK của người dân	- Đã triển khai dự án tưới rừng, - Xây dựng hệ thống kênh mương, đập chứa nước - Tuyên truyền người dân sử dụng nước tiết kiệm phục trong thời gian hạn hán,

T8/2014	Sét		- Trạm tiếp sóng bản Tà Lèng	- Chết 1 con lợn, Ngã 1 người con trại 38 tuổi bị bầm tím vùng chân	- Chuồng trại gia súc, nhà ở gần trạm tiếp sóng	- Làm nhà ở, chuồng cách xa cột tiếp sóng
---------	-----	--	------------------------------------	---	--	--

MẪU THÔNG TIN CƠ BẢN
(Kèm theo Phụ lục 4)
Xã Tà Lèng, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

1. Đặc điểm địa lý

1.1. Vị trí địa lý

Tà Lèng là một xã nằm ven thành phố Điện Biên Phủ, cách trung tâm thành phố Điện Biên Phủ khoảng 8 km về phía Đông và có vị trí địa lý như sau:

- + Phía Bắc giáp xã Thanh Minh;
- + Phía Đông giáp xã Mường Phăng, huyện Điện Biên và xã Pú Nhi, huyện Điện Biên Đông;
- + Phía Nam giáp phường Nam Thanh;
- + Phía Tây giáp phường Him Lam và phường Noong Bua.

1.2. Địa hình, địa mạo

Địa hình xã Tà Lèng là dạng địa hình đồi núi hiểm trở, bị chia cắt được phân ra thành 2 loại:

- Địa hình thung lũng: là loại địa hình tương đối bằng phẳng, có những cánh đồng rộng xen lẫn các đồi núi thấp nằm chủ yếu ở phía Bắc và một phần ở phía Nam của xã, độ dốc trung bình là 10%, riêng các chân đồi có độ dốc trung bình từ 10 - 20%.
- Địa hình đồi núi cao: là loại địa hình có độ cao từ 500 - 1000 m so với mực nước biển.

1.3. Khí hậu

Tà Lèng chịu ảnh hưởng chung của khí hậu miền núi phía Bắc Việt Nam. Được hình thành từ một nền nhiệt độ cao của đới chí tuyến và có sự thay thế của các hoàn lưu lớn theo mùa, kết hợp với điều kiện địa hình nên phân thành 2 mùa: Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 9, mùa khô từ tháng 10 năm trước

đến tháng 04 năm sau. Mùa mưa thường nóng ẩm và mưa nhiều, mùa khô thường có gió lạnh, nhiệt độ không khí xuống thấp, trời khô hanh và có xuất hiện sương muối.

a) *Chế độ nhiệt*: Nhiệt độ trung bình năm là 21,6°C; nhiệt độ cao nhất lên tới 38,6°C; nhiệt độ thấp nhất là - 1,3°C. Biên độ nhiệt biến động hàng năm từ 9 - 10°C, nhiệt độ tháng cao nhất là 32,2°C (tháng 5), tháng thấp nhất là 11°C (tháng 01).

b) *Chế độ mưa*:

Lượng mưa trung bình năm từ 678 mm, cao nhất đạt 1.258 mm, thấp nhất ở mức 500 mm. Lượng mưa trong các tháng mùa mưa đạt 1.017 mm tập trung chủ yếu tháng 6, 7, 8, lượng mưa lớn nhất 329 mm (tháng 6); lượng mưa trong các tháng mùa khô 154 mm, lượng mưa tháng nhỏ nhất 13 mm (tháng 01).

Tổng số giờ nắng trung bình 158 - 177 giờ/năm. Số giờ nắng trong các tháng có sự chênh lệch rõ rệt, số giờ nắng tháng nhiều nhất 206 giờ (tháng 03), tháng ít nhất là 124 giờ (tháng 7).

c) *Chế độ gió*: Xã chịu ảnh hưởng bởi hai hướng gió chính là:

- Gió Bắc và Đông Bắc thổi vào mùa khô từ tháng 10 đến tháng 04 năm sau, gió thường khô hanh, khi gặp gió Tây Nam thường xảy ra mưa phùn, sương muối, sương mù và đặc biệt có năm gây ra hiện tượng băng giá ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

- Gió mùa Đông Nam thổi vào mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 9 mang nhiều hơi ẩm và thường gây ra những trận mưa rào. Ngoài ra, hàng năm vào các tháng 03, 04, 05 còn chịu ảnh hưởng của gió Tây Nam (gió Lào) khô nóng gây ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông - lâm nghiệp cho toàn xã.

d) *Độ ẩm không khí*: Độ ẩm không khí trung bình năm là 86%, tháng cao nhất là tháng 7 và tháng 8 với 89% và tháng thấp nhất là tháng 3 với 78%. Độ ẩm tuyệt đối là 12%.

1.4. Thủy văn

Trong khu vực tái định cư có suối Nậm Phạ, suối Thẩm Mây, và một vài các con suối, khe suối nhỏ lẻ chảy qua có lưu lượng lớn vào mùa mưa.

2. Tình hình dân số

Dân số	Xã Tà Lèng		
	Tổng	Nam	Nữ
Số hộ	249		
Số khẩu	1050	513	537
Số hộ nghèo	25 hộ = 87 khẩu	48	39
Độ tuổi lao động	846	421	425
Đối tượng dễ bị tổn thương			
<i>Người cao tuổi</i>	62	35	27
<i>Trẻ em</i>	293	146	147
<i>Người khuyết tật</i>	15	06	09
<i>Phụ nữ có thai và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi</i>	30	0	30
<i>Người bị bệnh hiểm nghèo</i>	0	0	0

2.2 Phân bố dân cư

TT	Bản, cụm	Số hộ	Số khẩu	Số hộ nghèo	Đối tượng dễ bị tổn thương				
					Người cao tuổi	Trẻ em	NKT	Phụ nữ	Người bị bệnh

									hiếm nghèo
1.	Tà Lèng	105	407	16	24	105	04	211	0
2.	Kê Nênh	60	314	04	14	95	03	161	0
3.	Nà nghề	57	236	04	19	71	08	127	0
4.	Lọng Hỏm	27	93	01	05	22	0	38	0
Tổng		249	1050	25	62	293	15	537	0

3. Việc sử dụng đất, nước, rừng (tài nguyên thiên nhiên)

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại hình sản xuất
1	Tổng diện tích đất tự nhiên	1405.76	
2	Đất thổ cư	73.57	
3	Đất sản xuất nông nghiệp:	715.81	
	- Đất trồng cây hàng năm	694.84	
	- Đất trồng lúa	305.52	
	- Đất chuyên trồng lúa nước	50.97	02 vụ
	- Đất trồng lúa nước còn lại	0.25	01 vụ

	- Đất trồng lúa nương	254.30	01 vụ
	- Đất trồng cây hàng năm khác	389.32	01 vụ
	- Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	388.55	01 vụ
	- Đất trồng cây lâu năm	20.97	
	- Đất trồng cây công nghiệp lâu năm	1.15	
	- Đất trồng cây ăn quả lâu năm	0.99	
	- Đất trồng cây lâu năm khác	18.83	
4	Đất lâm nghiệp:		UBND xã quản lý
	- Đất rừng sản xuất	62.48	
	- Đất khoanh nuôi phục hồi rừng sản xuất	62.48	
	- Đất rừng phòng hộ	614.55	
	- Đất có rừng tự nhiên phòng hộ	234.16	
	- Đất có rừng trồng phòng hộ	211.01	
	- Đất khoanh nuôi phục hồi rừng phòng hộ	113.25	

	- Đất trồng rừng phòng hộ	56.13	
5	Đất nuôi trồng thủy sản:	17	

4. Các hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Diện tích/quy mô (ha)	% hộ tham gia	Thu nhập trung bình (người/năm) (Triệu đồng)
1	Sản xuất nông nghiệp - Lúa - Rau màu - Cây công nghiệp	305.52 01 1.15	95%	9,0
2	Sản xuất lâm nghiệp	677.03		
3	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp	0		
4	Buôn bán nhỏ lẻ và tiểu thương	08	3.21	
5	Nuôi trồng thủy sản	17	20.08	
6	Dịch vụ	0		

7	Nghề khác	0		
---	-----------	---	--	--

5. Hạ tầng cơ sở

TT	Cơ sở hạ tầng	Năm xây dựng/sử dụng	Số lượng/ chất lượng	Ghi chú <i>(ghi rõ chi tiết tình hình hiện trạng như thế nào)</i>
1.	Điện dân dụng	2000	3km/tốt	Tốt
2.	Đường giao thông	2000 - 2013	15km/	Xuống cấp
3.	Trường học các cấp - Cấp I - Cấp II - Cấp III	2001/2002 0 0	01	Xuống cấp
4.	Nhà trẻ, mẫu giáo	2010/2011	01	Xuống cấp
5.	Trạm y tế	2014		Chưa XD
6.	Công sở - Trụ sở UBND xã - Trụ sở Ban Nhân dân thôn/khu phố	2010/2011 2011;2012;2013	01 03	Tốt
7	Nhà trú ẩn đạn nãg	0		0

8.	Chợ	0		0
9.	Nhà máy nước	0		0
10.	Nước sạch tự chảy	2004; 2012	02	01 công trình đã xuống cấp nghiêm trọng
11	...			

6. Nhà ở

TT	Tên Bản, Cụm	Số hộ	Nhà kiên cố (Cấp 1,2,3)	Nhà bán kiên cố (cấp 4)	Nhà tạm bợ
1	Tà Lèng	105		98	07
2	Kê Nênh	60	01	55	04
3	Nà Nghè	57		52	05
4	Cụm Lọng Hỏm	27		26	01
Tổng		249	01	231	17

7. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Tên Bản, Cụm	Số hộ	Nguồn nước sạch				Nhà vệ sinh		
		Giếng đào	Bể chứa	Trạm cấp nước công cộng/nước	Không có dụng	Tự hoại	Tạm	Không có

				sạch tự chảy	cụ chứa			
Tà Lèng	105		06	06	80	03	72	30
Kê Nênh	60		02	02	45	01	40	19
Nà Nghè	57		03	03	40	0	40	17
Cụm Lọng Hỏm	27	02	0	0	07	01	16	9

8. Y tế (Những dịch bệnh liên quan đến thiên tai thường gặp ở địa phương)

Loại dịch bệnh liên quan đến người	Đối tượng (ghi rõ số người và nam)					
	Trẻ em	Phụ nữ	Nam	Người cao tuổi	NKT	Người bị bệnh hiếm nghèo
Sốt rét						
Viêm đường hô hấp						
Tây chân miệng						
...						

9. Công tác phòng, chống thiên tai

- a. Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai: (01)
- b. Sự phối hợp giữa các tổ chức đoàn thể trong phòng, chống thiên tai: (Tốt)
- c. Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn: (Hàng năm)

d. Cơ sở vật chất và trang thiết bị phòng, chống thiên tai:

- Phương tiện dùng trong thiên tai (Áo phao 05 chiếc)
- Trang thiết bị (Loa tay01 chiếc)
- Công trình phòng, chống thiên tai (Không)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

Loại hình thiên tai	Xu hướng thiên tai	Năng lực PCTT	Tình trạng dễ bị tổn thương	Rủi ro thiên tai
Lũ quét(3)	Xảy ra rất nhanh, cuốn theo mọi thứ trên đường đi qua	<ul style="list-style-type: none"> -Trồng rừng -Chủ động thu hoạch trước thiên tai -Người dân có kinh nghiệm dự báo, Thực hiện nghiêm túc chỉ trưong của CQ 	<ul style="list-style-type: none"> -Ven suối Tà Lèng -Mùa vụ trùng mùa thiên tai -5 lán của các hộ trồng nuôi cá ven suối; 3ha ao nuôi cá bờ không an toàn ven suối Thẩm mây,Nậm Phạ nguy cơ có lũ quét 	<ul style="list-style-type: none"> Thiệt hại về người-Ao vỡ,mất cá -Mất lúa và hoa màu -Gia cầm bị chết,bị trôi -Đường bị hư hỏng -Nhà bị trôi -Thiếu nước sinh hoạt -Mất đất canh tác
Sạt lở đất(2)	Xảy ra sau mưa lớn kéo dài,	<ul style="list-style-type: none"> -Trồng rừng keo Có sự hỗ trợ của doanh nghiệp về phương tiện:Ô to 5 cái;máy xúc 5 cai;cần cầu 5 cai_ 	<ul style="list-style-type: none"> -Taly âm đường dốc -Ruộng ở nơi SLĐ -Còn 7 hộ sống ven nơi dễ SLĐ -Còn hiện tượng chặt phá rừng,lấn chiếm đất rừng + 01 ha vùng dọc suối Thẩm Mây; + 6000m2 ven trục đường Noong Bua đi Pu Nhi có taluy đường dốc - 	<ul style="list-style-type: none"> - đường bị sạt lở gây ách tắc giao thông; -Lúa màu bị mất -Mất đất canh tác

Loại hình thiên tai	Xu hướng thiên tai	Năng lực PCTT	Tình trạng dễ bị tổn thương	Rủi ro thiên tai
Rét đậm, rét hại(3)	Nhiệt độ xuống thấp kéo dài trên 1 tháng	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền người dân phòng, chống rét cho người và gia súc, gia cầm - Một số hộ dân biết cách che chắn chuồng trại cho gia súc, gia cầm -Gieo mạ trên nền cứng và che bằng ni lông 	<ul style="list-style-type: none"> - Sức khỏe của người dân hạn chế, không thích ứng được. thiếu phương tiện giữ ấm - Chuồng trại chưa được che chắn kỹ - Một số hộ còn thả rông gia súc, -Chưa dự trữ thức ăn cho gia súc, chưa biết cách chăm sóc gia súc, gia cầm, -Không che chắn cây trồng -Mùa vụ trùng mùa rét hại 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiều người dân bị ảnh hưởng đến sức khỏe (đặc biệt là người cao tuổi và trẻ em) - Gia súc, gia cầm bị chết nhiều - Diện tích hoa màu bị giảm năng suất -Người dân thiếu kỹ năng chăm sóc cây con trong mùa rét
Ngập lụt(2)	Mưa kéo dài ngày, nước về nhanh	<ul style="list-style-type: none"> - Địa hình thấp, nhiều sông suối ,tập trung dòng chảy nên nước về nhanh - Chưa tập trung thu hoạch chạy lũ -Mùa vụ SX trùng mùa thiên tai - Gia súc thả rông, gia cầm không nhốt vào chuồng trại 	<ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền đã chỉ đạo nhân dân kịp thời - Đa số nhân dân đã chủ động phòng tránh - Sau ngập lụt tổ chức thanh khiết môi trường và tuyên truyền nhân dân giữ gìn vệ sinh môi trường Đường ngõ xóm hầu hết đã bê tông hóa 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiều diện tích lúa và hoa màu bị ngập úng, giảm năng suất - Gia súc, gia cầm bị chết - Nhiều cầu cống bị ngập - Học sinh phải nghỉ học - Môi trường bị ô

Loại hình thiên tai	Xu hướng thiên tai	Năng lực PCTT	Tình trạng dễ bị tổn thương	Rủi ro thiên tai
		<ul style="list-style-type: none"> - Người dân còn chủ quan, lúng túng - Các cầu thấp đều bị ngập khi có lũ lụt - Đường nội đồng đi lại khó khăn 	<ul style="list-style-type: none"> - Có điểm sơ tán an toàn - Hầu hết các hộ đều có dự trữ lương thực phẩm, lương thực 	nhiễm
Hạn hán(hàng năm)	<ul style="list-style-type: none"> Xảy ra từ tháng 4- tháng 5 - Xảy ra từ từ 	<ul style="list-style-type: none"> - Thay giống ngắn ngày, chịu hạn tốt hơn; - Trồng ngô muộn hơn - Tiết kiệm nước và tận dụng mọi nguồn nước - Đào thêm giếng - Xã có 01 phai suối Nậm Phạ và đập Na Ít tốt cấp nước cho trên 60 ha lúa màu - Xã có 7 tuyến kênh, mương dài 6,4 km do xã quản lý và đã cứng hóa được 3,7km 	<ul style="list-style-type: none"> - Mùa vụ trùng mùa hạn hán - Không có trạm bơm - Nước tưới phụ thuộc nước tự chảy và nước mưa 	<ul style="list-style-type: none"> - Lúa, ngô bị giảm năng suất Ảnh hưởng đến sức khỏe - Thiếu nước sinh hoạt
Giông,sét(2)	<ul style="list-style-type: none"> Xảy ra nhanh, bất ngờ 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết của người dân còn hạn chế 	<ul style="list-style-type: none"> - Không nên ra ngoài khi có sét - Có cột thu lôi 	Hư hỏng hệ thống điện
Rét đậm, rét	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền, hỗ trợ 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ xuống quá 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiều người dân

Loại hình thiên tai	Xu hướng thiên tai	Năng lực PCTT	Tình trạng dễ bị tổn thương	Rủi ro thiên tai
hại(3)	xuống thấp dưới 10 ⁰ C kéo dài từ 7 đến 10 ngày/đợt (từ tháng 11/2009 đến tháng 12 năm 2009)	người dân phòng, chống rét cho người và gia súc, gia cầm - Một số hộ dân biết cách che chắn chuồng trại cho gia súc, gia cầm Hỗ trợ quần áo Che chắn cho mạ -Có chuồng được che chắn cho gia súc, không thả rông trâu bò -Rá tro bếp, lân cho hoa màu	thấp người dân không thích ứng được. - Chuồng trại chưa được che chắn kỹ - Một số hộ còn thả rông gia súc, - Chưa dự trữ thức ăn cho gia súc, chưa biết cách chăm sóc gia súc, gia cầm, không che chắn cây trồng -Thả rông	bị ảnh hưởng đến sức khỏe (đặc biệt là người cao tuổi và trẻ em),chết 1 người - trâu bò chết 5 con, gia cầm bị chết 400 con - Diện tích hoa màu bị chết hoặc giảm năng suất 2ha -Mạ bị chết
Lốc xoáy(3)	-Xảy ra nhanh mạnh,kèm theo mưa đá	Chằng chống,ghim néo nhà cẩn thận	-Nhà lợp ngói ,tranh không chằng chống -Nhà tạm bợ còn nhiều (20%) -	- Nhà bị lốc mái, xiêu vẹo,bị đổ -hoa màu hư hại,cây đổ gãy
Mưa đá(1)	-Xảy ra đột ngột,kéo dài 30',cục đá to 1-2cm	-Thường xuyên theo dõi thông tin	-Lúa màu trũng mùa thiên tai -Nhà lợp ngói	-Mất lúa; màu, nha hỏng mái ngói